TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị H

Ông Lê Văn L

- *Thư ký phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Thúy K – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa*: Ông Trần Thanh S – Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 551/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Hà T – sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Hà T kết hôn năm 2002 tại UBND xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 09/8/2002. Quá trình chung sống bà và ông T thường hay mâu thuẫn vì ông T ghen tuông. Ông bà đã không sống chung từ năm 2008 đến nay. Bà không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Hà Văn T – sinh ngày 09/7/1999, Hà Phi T1 – sinh ngày 20/8/2001 và Hà Phi T2 – sinh ngày 11/4/2006. Cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin nuôi dưỡng cháu T2 và giao cháu T1 cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Ông Hà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bà Nguyễn Thị S tại phiên tòa thể hiện: Bà Nguyễn Thị S và ông Hà T kết hôn năm 2002 tại UBND xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 09/8/2002. Quá trình chung sống bà và ông T thường hay mâu thuẫn vì ông T ghen tuông. Ông bà đã không sống chung từ năm 2008 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T để hòa giải và mở phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà S. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S. Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Hà Văn T – sinh ngày 09/7/1999, Hà Phi T1 – sinh ngày 20/8/2001 và Hà Phi T2 – sinh ngày 11/4/2006. Cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin nuôi dưỡng cháu T2 và giao cháu T1 cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T1 có nguyện vọng ở với cha và cháu T2 có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị giao cháu T1 cho ông T nuôi dưỡng và giao cháu T2 cho bà S nuôi dưỡng. Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết. Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

1. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Hà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Hà T kết hôn năm 2002 tại UBND xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 09/8/2002. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà S yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống bà và ông T thường hay mâu thuẫn vì ông T ghen tuông. Ông bà đã không sống chung từ năm 2008 đến nay. Toà án đã triệu tập ông T để hòa giải và mở phiên toà xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà S.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị S và ông Hà T đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Hà Văn T – sinh ngày 09/7/1999, Hà Phi T1 – sinh ngày 20/8/2001 và Hà Phi T2 – sinh ngày 11/4/2006. Cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin nuôi dưỡng cháu T2 và giao cháu T1 cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy

cháu T1 có nguyện vọng ở với cha và cháu T2 có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu T1 cho ông T nuôi dưỡng và giao cháu T2 cho bà S nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông T thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

1. Bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Hà T.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Phi T2 – sinh ngày 11/4/2006 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Hà Phi T1 – sinh ngày 20/8/2001 cho ông Hà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông T thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003231 ngày 25/9/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã P
(GCNKH số 26 ngày 09/8/2002);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hướng